

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN CƯ M'GAR Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 8 - 2024  
"V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Giang Nam

- Ông Hoàng Duy Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:  
Bà Phạm Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 6 năm  
2024, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi C** – sinh năm 1967 (vắng mặt – có đơn xin xét xử  
vắng mặt)

Địa chỉ: **Số B H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1968 (vắng mặt – có đơn xin xét  
xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Số C D, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**

NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Bùi C** trình bày:

Tôi và bà **Nguyễn Thị T** sống chung với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự  
nguyện, chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không hòa hợp nên 10 năm trở lại  
đây chúng tôi đã sống ly thân với nhau. Hiện nay vợ chồng tôi không còn tình  
cảm với nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết  
không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị T có 04 con chung là cháu Bùi Công Thái T1 – sinh ngày 13/7/1989; cháu Bùi Thị Thảo L – sinh ngày 14/12/1991; Bùi Công Anh T2 – sinh ngày 16/11/1993; cháu Bùi Thảo P – sinh ngày 29/8/1999. Hiện nay các cháu đã lớn và tự lo cho bản thân được nên chúng tôi không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Tôi và ông Bùi C sống chung với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không còn hòa hợp với nhau hiện nay đã không sống chung với nhau nhiều năm. Nay ông C đề nghị giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng thì tôi đồng ý với yêu cầu của ông C.

Về con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị T có 04 con chung là cháu Bùi Công Thái T1 – sinh ngày 13/7/1989; cháu Bùi Thị Thảo L – sinh ngày 14/12/1991; Bùi Công Anh T2 – sinh ngày 16/11/1993; cháu Bùi Thảo P – sinh ngày 29/8/1999. Hiện nay các cháu đã lớn và tự lo cho bản thân được nên chúng tôi không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu như sau:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Bùi C và bà Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay, tuy nhiên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng đối với ông C, bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận ông Bùi C, bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, về con chung và tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư



M'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi C** và bà **Nguyễn Thị T** tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay, tuy nhiên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng đối với ông **C**, bà **T**.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông **C** yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông và bà **T** là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Ông **Bùi C** và bà **Nguyễn Thị T** có 04 con chung là anh **Bùi Công Thái T1** – sinh ngày 13/7/1989; chị **Bùi Thị Thảo L** – sinh ngày 14/12/1991; anh **Bùi Công Anh T2** – sinh ngày 16/11/1993; chị **Bùi Thảo P** – sinh ngày 29/8/1999. Hiện nay các con chung của ông bà đã thành niên và tự chăm sóc được bản thân nên ông bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết do đó Hội đồng xét không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Bùi C** và bà **Nguyễn Thị T** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông **Bùi C** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- *Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Điều 14; Khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Bùi C**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông **Bùi C** và bà **Nguyễn Thị T** là vợ chồng

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông **Bùi C** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007695 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THA DS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Dự**

